

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 27 (2016-2018)

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

STT	MSHV	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	TB
Số tín chỉ							4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	43
1	TALI-16-001	Nguyễn Bảo	Ân	Nam	12.10.1991	Tiền Giang	7.0	6.8	8.0	7.3	6.5	8.3	6.8	6.8	7.3	7.3	8.3	7.3	7.5	8.0	7.33
2	TALI-16-002	Phạm Thị Lê	Chi	Nữ	05.01.1980	Lâm Đồng	6.7	7.0	8.0	7.4	5.0	7.5	6.5	6.5	8.0	6.8	7.5	7.3	7.5	6.5	7.00
3	TALI-16-003	Trần Cao Phương	Diễm	Nữ	12.10.1985	Đắk Lắk	8.4	7.5	9.5	7.7	6.5	8.8	6.5	7.3	8.3	8.0	7.8	8.0	7.8	8.8	7.91
4	TALI-16-004	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	27.01.1994	Đồng Nai	7.2	7.5	8.3	7.7	7.0	7.8	6.5	6.8	9.3	7.8	8.0	8.5	8.0	8.8	7.76
5	TALI-16-005	Lê Thành	Đạt	Nam	16.10.1994	Tiền Giang	6.8	7.8	7.8	7.3	7.0	8.3	6.5	6.8	8.5	7.3	8.3	6.5	7.8	7.0	7.37
6	TALI-16-006	Nguyễn Thị Ngọc	Hành	Nữ	07.04.1994	Tp.HCM	7.6	8.3	7.8	7.5	6.5	8.8	6.5	6.8	9.0	7.3	8.0	7.3	7.8	7.3	7.58
7	TALI-16-007	Nguyễn Việt	Hiệp	Nam	22.07.1984	Hà Tĩnh	8.0	7.8	8.5	6.9	7.5	8.0	6.5	7.0	7.5	6.5	8.0	8.3	8.0	7.0	7.54
8	TALI-16-008	Bùi Phúc	Hòa	Nam	31.08.1979	Đồng Nai	6.4	7.3	8.0	7.7	7.5	7.0	7.0	6.8	9.0	6.5	8.0	8.0	7.8	8.3	7.48
9	TALI-16-009	Nguyễn Hoàng Bảo	Huy	Nam	26.04.1993	Tp.HCM	7.6	8.0	9.5	8.1	8.5	9.3	6.3	6.5	9.0			9.0	7.8	8.5	7.01
10	TALI-16-010	Dương Thị Thu	Huyền	Nữ	13.08.1994	Trà Vinh	7.4	7.3	9.0	6.8	6.5	8.3	6.5	6.8	9.0	7.0	7.8	6.8	7.5	7.0	7.39
11	TALI-16-011	Võ Thị Lệ	Hường	Nữ	24.09.1991	Nghệ An	6.8	7.5	9.5	8.2	7.5	8.3	6.8	7.3	9.0	8.5	8.0	8.5	7.8	8.5	7.97
12	TALI-16-012	Nguyễn Thu	Lành	Nữ	12.06.1992	Kiên Giang	6.8	7.5	7.8	6.9	5.5	8.3	6.5	6.5	8.3	6.8	7.8	8.3	7.5	6.8	7.20
13	TALI-16-013	Lê Thanh	Lâm	Nam	27.10.1994	Tp.HCM	5.8	8.0	8.3	6.3	7.5	8.5	6.8	7.3	8.3	7.0	7.8	7.0	7.5	7.0	7.31
14	TALI-16-014	Trần Lệ	Ngân	Nữ	17.01.1993	Bình Định	7.0	7.5	8.0	7.9	6.5	8.3		7.0	8.3	7.0	8.0	6.5	7.8	8.8	7.03
15	TALI-16-015	Võ Thị Bảo	Ngọc	Nữ	27.01.1994	Gia Lai	7.4	7.5	8.5	7.7	8.0	8.8	6.5	6.8	8.3	7.3	8.0	7.5	7.5	8.3	7.69
16	TALI-16-016	Trần Thị Nguyên	Phương	Nữ	03.06.1992	Nam Định	8.0	7.5	8.5	7.8	5.5	8.3	6.5	6.8	7.8	8.0	8.0	7.3	7.5	8.0	7.53
17	TALI-16-017	Dương Văn	Quế	Nam	20.08.1987	Bình Định	8.6	7.8	9.3	8.2	8.0	8.3	7.3	6.5	8.3	8.0	8.8	8.5	8.0	8.5	8.14
18	TALI-16-018	Huỳnh Tông	Quyền	Nam	01.02.1994	Tp.HCM	7.4	7.8	7.8	6.8	5.5	8.8	7.8	6.8	7.0	7.3	7.5	8.5	7.8	7.0	7.39
19	TALI-16-019	Tạ Thị Kim	Son	Nữ	03.04.1994	Tp.HCM	7.7	7.8	8.5	7.4	6.5	8.3	6.5	6.8	7.8	7.3	8.5	8.0	8.0	8.3	7.65
20	TALI-16-020	Nguyễn Hoài	Sương	Nữ	02.01.1994	Bình Thuận	6.8	7.8	8.0	7.3	8.0	8.5	6.3	7.3	8.8	7.3	8.0	6.8	7.8	7.5	7.54

STT	MSHV	Họ	Tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	TB
Số tín chỉ							4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	43
21	TALI-16-021	Võ Hồng	Tâm	Nữ	12.07.1987	Bình Thuận	7.6	7.5	9.3	7.6	7.0	7.8	6.5	6.8	8.5	7.5	7.8	8.5	7.8	8.3	7.72
22	TALI-16-022	Phạm Thanh	Tâm	Nam	17.09.1993	Bến Tre	8.4	7.8	9.0	8.2	6.0	8.3	6.5	6.5	9.3	7.0	8.3	8.3	7.8	8.3	7.82
23	TALI-16-023	Ngô Trần Thanh	Tâm	Nữ	15.05.1983	Tp.HCM	6.2	7.5	9.3	7.6	7.0	7.8	6.3	7.5	9.0	8.0	8.3	8.3	7.8	8.3	7.71
24	TALI-16-024	Lê Thị Yên	Thanh	Nữ	10.04.1993	Tp.HCM	7.4	8.0	8.3	7.8	7.0	8.0	6.3	7.5	8.5	7.3	7.5	7.5	7.8	8.3	7.63
25	TALI-16-025	Trần Lý Ngọc	Thanh	Nữ	24.10.1993	Khánh Hòa	7.3	7.8	7.8	7.9	5.5	8.3	6.5	6.5	7.5	6.8	7.8	6.8	7.5	7.0	7.20
26	TALI-16-026	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	22.11.1994	Bạc Liêu	7.4	8.3	8.0	6.8	5.5	8.8	6.5	7.3	8.3	7.8	7.8	6.3	8.0	8.3	7.48
27	TALI-16-027	Nguyễn Thị Thanh	Thương	Nữ	06.11.1989	Bến Tre	7.0	7.5	8.3	7.3	6.5	8.5	6.5	6.5	8.3	7.8	8.0	7.8	8.0	8.3	7.56
28	TALI-16-028	Trần Quang	Trọng	Nam	16.11.1994	Long An	6.4	7.5	8.5	7.1	7.0	8.0	6.5	7.5	8.5	7.5	8.0	7.0	7.8	7.0	7.42
29	TALI-16-029	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	05.11.1992	Phú Yên	8.0	7.3	8.5	7.2	7.0	8.0	7.0	6.8	8.8	7.8	8.0	7.5	8.0	8.3	7.71
30	TALI-16-030	Hồ Tường	Vi	Nữ	03.11.1992	Cà Mau	8.0	8.0	8.0	7.7	8.0	8.3	6.5	6.8	8.5	8.0	8.0	8.5	8.0	8.3	7.89
31	TALI-16-031	Lê Thị	Anh	Nữ	20.05.1992	Hà Tĩnh	8.0	7.5	9.0	7.4	6.5	8.0	6.5	6.8	8.8	7.8	8.0	7.8	7.8	6.5	7.59

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2018

KT. TRƯỞNG PHÒNG SAU ĐẠI HỌC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Văn Bằng

ThS. Đỗ Nam Thanh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KHÓA 27

CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

(Phụ lục kèm theo kết quả học tập của học viên cao học khóa 27 (2016-2018))

STT	MMH	TÊN MÔN HỌC	số TC
1	TLTH 501	Triết học	4
2	TLNN 502	Ngoại ngữ	
3	TLPP 503	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3
4	TLNC 504	Các học thuyết tâm lý về nhân cách	3
5	TLGD 505	Tâm lý học giáo dục (Phương Tây)	3
6	TLTT 506	Tâm lý học trí tuệ	3
7	TLST 507	Tâm lý học sáng tạo	3
8	TLTN 508	Trắc nghiệm tâm lý	3
9	TLCC 509	Soạn thảo dụng cụ nghiên cứu tâm lý	3
10	TLGD 510	Tâm lý học gia đình	3
11	TLTL 513	Tâm lý học trị liệu	3
12	TLTC 514	Tâm lý học tổ chức	3
13	TLHN 515	Tâm lý học hướng nghiệp	3
14	TLTT 517	Tâm lý học truyền thông	3
15	TLTK 519	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học	3

Tổng số môn học: 15

Tổng tín chỉ: 43

Tổng giờ học: 645

NGƯỜI LẬP BẢNG

Lê Văn Bằng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2018

KT. TRƯỞNG PHÒNG SAU ĐẠI HỌC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Đỗ Nam Thanh